SMARTWOOD COMPANY LIMITED

ADD : No 61, Lane 137 Viet Hung Street, Viet Hung Ward, Long Bien District , Ha Noi City, Viet Nam

Email : sales@smartwoodco.vn Website : http://smartwoodco.vn/

Tel/Whatssap : +84 988498980 (Mr.Dustin)

DANH MỤC SẢN PHẨM

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

I. VÁN GỖ KEO GHÉP TẤM LAU DẦU (ACACIA WORKTOP/ COUNTERTOP)

THÔNG TIN VỀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT *(QUALITY SPECIFICATION)*

a. Quy cách thông dụng : Dài x Rộng x Dày *(Common sizes : Length x Width x Thickness)*

800x400x18 (mm)	800x600x18 (mm)	1200x600x18 (mm)
1800x600x18 (mm)	1800x1000x18 (mm)	2000x1000x18 (mm)
1830x650x26 (mm)	1880x1010x26 (mm)	2500x650x26 (mm)
2500x650x38 (mm)	2600x600x38(mm)	3000x650x38 (mm)

(Có thể quy cách khác theo y/c của khách hàng) *(Can be other sizes as Customer's request)*

b. Tiêu chuẩn bề mặt *(Grade)* **:** B/C

c. Màu sắc *(Oiled Color)* : Lau dầu màu nâu *(Brown Oil)*, màu vàng gỗ Teak *(Golden Teak Oil)*, màu đen *(Espresso Oil)*, màu gỗ Sồi sáng *(Light Oak Oil)*

d. Kích thước thanh cơ sở *(Stave dimention)* **:**

- Chiều dài thanh cơ sở : 120mm-650mm, dung sai +5mm
  (Stave length : 120mm-650mm, tolerance +5mm)
- Chiều rộng thanh cơ sở : 35mm-75mm, dung sai +2mm
  (Stave width : 35mm-75mm, tolerance +2mm)
- Dung sai chiều dày : +/- 2mm
  (Tolerance of stave thickness : +/-2mm)

e. Chà nhám *(Sanding) :* 240 mặt phải *(240 grit for top)* và 180 mặt trái *(180 grit for bottom)*

f. Độ ẩm và keo ghép *(MC and Gluing)* **:** 8-14% và keo D4 *(8-14% with D4)*

g. Đóng gói *(Packing)* **:** Bọc màng co từng tấm ván và có tem nhãn cho mỗi tấm ***(****Shrinkwrap every pc in PE plastic bag with individual colour label)*

h. **Certification : FSC-CoC, ISO.**

i. **Công suất** *(Capacity) : 20 containers x40HC' / tháng (per month)*

j. **Điều khoản giao hàng** *(Term of delivery) :* FOB, CNF, CIF,…

k. **Ứng dụng** *(Usage) :* Làm đồ gỗ nột thất, trang trí, mặt bàn, mặt bồn rửa mặt,…(*For furniture, decoration, worktop, tabletop, countertop,...)*

l. **Hình ảnh sản phẩm** *(Products images)*





Espresso Oil *Golden Teak Oil* *Brown Oil* *Light Oak Oil*









II. VÁN GỖ KEO GHÉP TẤM KHÔNG LAU DẦU *(ACACIA FINGER JOINT LAMINATED BOARD)*

a. Quy cách thông dụng : Dài x Rộng x Dày *(Common sizes : Length x Width x Thickness)*

2440x1220x15/18/20/24/25/26/36/38 (mm)

(Có thể quy cách khác theo y/c của khách hàng) *(Can be other sizes as Customer's request)*

b. Tiêu chuẩn bề mặt *(Grade)* **:** A/B, A/C, B/C,CC

c. Màu sắc *(Color)* : Màu gỗ Keo tự nhiên *(Natural Color)*

d. Kích thước thanh cơ sở *(Stave dimention)* **:**

- Chiều dài thanh cơ sở : 120mm-650mm, dung sai +5mm
  (Stave length : 120mm-650mm, tolerance +5mm)
- Chiều rộng thanh cơ sở : 35mm-75mm, dung sai +2mm
  (Stave width : 35mm-75mm, tolerance +2mm)
- Dung sai chiều dày : +/- 2mm
  (Tolerance of stave thickness : +/-2mm)

e. Chà nhám *(Sanding) :* 240 mặt phải *(240 grit for top)* và 180 mặt trái *(180 grit for bottom)*

f. Độ ẩm và keo ghép *(MC and Gluing)* **:** 8-14% và keo D4 *(8-14% with D4)*

g. Đóng gói *(Packing) :* Đóng gói thông thường *(Normal packing)*

h. Công suất *(Capacity) : 30 containers x40HC' / tháng (per month)*

i. Điều khoản giao hàng *(Term of delivery) :* FOB, CNF, CIF,…

j. Ứng dụng *(Usage) :* Làm đồ gỗ nột thất (Furniture)

k. Hình ảnh sản phẩm *(Product images) :*





III. VÁN GỖ CAO SU GHÉP TẤM *(RUBBER FINGER JOINT LAMINATED BOARD)*

a. Quy cách thông dụng : Dài x Rộng x Dày *(Common sizes : Length x Width x Thickness)*

2440x1220x15/18/20/24/25/26/36/38 (mm)

(Có thể quy cách khác theo y/c của khách hàng) *(Can be other sizes as Customer's request)*

b. Tiêu chuẩn bề mặt *(Grade)* **:** AA**,** AB, AC, BC,CC

c. Màu sắc *(Color)* : Màu gỗ Keo tự nhiên *(Natural Color)*

d. Kích thước thanh cơ sở *(Stave dimention)* **:**

- Chiều dài thanh cơ sở : 120mm-650mm, dung sai +5mm
  (Stave length : 120mm-650mm, tolerance +5mm)
- Chiều rộng thanh cơ sở : 35mm-75mm, dung sai +2mm
  (Stave width : 35mm-75mm, tolerance +2mm)
- Dung sai chiều dày : +/- 2mm
  (Tolerance of stave thickness : +/-2mm)

e. Chà nhám *(Sanding) :* 240 mặt phải *(240 grit for top)* và 180 mặt trái *(180 grit for bottom)*

f. Độ ẩm và keo ghép *(MC and Gluing)* **:** 8-14% và keo D4 *(8-14% with D4)*

g. Đóng gói *(Packing) :* Đóng gói thông thường *(Normal packing)*

h. Công suất *(Capacity) : 30 containers x40HC' / tháng (per month)*

i. Điều khoản giao hàng *(Term of delivery) :* FOB, CNF, CIF,…

j. Ứng dụng *(Usage) :* Làm đồ gỗ nột thất (Furniture)

k. Hình ảnh sản phẩm *(Product images) :*





IV. VÁN GỖ MUỒNG GHÉP TẤM *(WENGE FINGER JOINT BOAR/ SOLID WOOD)*

a. Quy cách thông dụng : Dài x Rộng x Dày *(Common sizes : Length x Width x Thickness)*

STT	Quy cách *(Demension) (mm)*			Tiêu chuẩn *(Grade)*	Ứng dụng *(Usage)*	Ghi chú *(Note)*
	Dài *(Length size)*	Rộng *(Width size)*	Dày *(Thickness size)*			
1	*1800-2000*	*1000-1200*	*18-20*	*AB/AC/BC*	*Furniture*	*Solid*
2	*1200-2000*	*350-400*	*32-35*	*AB/AC/BC*	*Chair*	*Solid*
3	*1800-2400*	*800-830*	*38-45*	*AB/AC/BC*	*Table*	*Solid*
4	*2440*	*1220*	*15/18/24*	*AB/AC/BC*	*Furniture*	*Finger joint*

b. Chà nhám *(Sanding) :* 240 mặt phải *(240 grit for top)* và 180 mặt trái *(180 grit for bottom)*

c. Đóng gói *(Packing) :* Đóng gói thông thường *(Normal packing)*

d. Công suất *(Capacity) : 5 containers x40HC' / tháng (per month)*

e. Điều khoản giao hàng *(Term of delivery) :* FOB, CNF, CIF,…

f. Hình ảnh sản phẩm *(Product images) :*









V. VÁN GỖ THÔNG GHÉP TẤM *(VIETNAM'S PINE FINGER JOINT LAMINATED BOARD)*

a. Quy cách thông dụng : Dài x Rộng x Dày *(Common sizes : Length x Width x Thickness)*

2440x1220x15/18/20/24/25/26 (mm)

(Có thể quy cách khác theo y/c của khách hàng) *(Can be other sizes as Customer's request)*

b. Tiêu chuẩn bề mặt *(Grade)* **:** AA**,** AB, AC, BC,CC

c. **Màu sắc** *(Color)* : Màu gỗ Keo tự nhiên *(Natural Color)*

d. Kích thước thanh cơ sở *(Stave dimention)* **:**

- Chiều dài thanh cơ sở : 120mm-650mm, dung sai +5mm
  (Stave length : 120mm-650mm, tolerance +5mm)
- Chiều rộng thanh cơ sở : 35mm-75mm, dung sai +2mm
  (Stave width : 35mm-75mm, tolerance +2mm)
- Dung sai chiều dày : +/- 2mm
  (Tolerance of stave thickness : +/-2mm)

e. **Chà nhám** *(Sanding) :* 240 mặt phải *(240 grit for top)* và 180 mặt trái *(180 grit for bottom)*

f. **Độ ẩm và keo ghép** *(MC and Gluing)* **:** 8-14% và keo D4 *(8-14% with D4)*

g. **Đóng gói** *(Packing) :* Đóng gói thông thường *(Normal packing)*

h. **Công suất** *(Capacity) : 20 containers x40HC' / tháng (per month)*

i. **Điều khoản giao hàng** *(Term of delivery) :* FOB, CNF, CIF,…

j. **Ứng dụng** *(Usage) :* Làm đồ gỗ nột thất (Furniture)

k. **Hình ảnh sản phẩm** *(Product images) :*



